



Original Article

## Education Reality Coping with Sexual Abuse in Students with Intellectual Disabilities

Nguyen Thi Phuong\*

*Hanoi University of Public Health, 1A, Duc Thang, North Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 19 June 2021

Revised 08 August 2021; Accepted 18 August 2021

**Abstract:** Education about coping with sexual abuse in students with intellectual disabilities is important. From the survey results, both caregivers and teachers believe that it is necessary to equip students with intellectual disabilities with knowledge and skills to deal with sexual abuse. The survey results also show that despite being aware of the importance of this issue, the educational status of students with intellectual disabilities is still limited. The communication between the family and the school in the coordination of education response is still loose.

*Keywords:* Sexual abuse, education coping skill, students with intellectual disabilities.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [phuongnguyentb168@gmail.com](mailto:phuongnguyentb168@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4548>

# Thực trạng giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ

Nguyễn Thị Phương\*

*Trường Đại học Y tế Công cộng, số 1A, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 19 tháng 6 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 8 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 8 năm 2021

**Tóm tắt:** Giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ rất quan trọng. Từ kết quả khảo sát cả phụ huynh và giáo viên đều cho rằng cần thiết trang bị cho học sinh khuyết tật trí tuệ những kiến thức, kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này tuy nhiên thực trạng giáo dục cho nhóm đối tượng là học sinh khuyết tật trí tuệ vẫn còn hạn chế. Sự trao đổi giữa gia đình và nhà trường trong phối hợp giáo dục ứng phó chưa chặt chẽ.

*Từ khóa:* Lạm dụng tình dục, giáo dục khả năng ứng phó, học sinh khuyết tật trí tuệ.

## 1. Đặt vấn đề

Lạm dụng tình dục đã và đang là vấn đề được quan tâm của toàn xã hội. Học sinh khuyết tật trí tuệ là một trong nhóm những người yếu thế của xã hội đang đối diện với lạm dụng tình dục. Thiếu hụt trong khả năng nhận thức, kỹ năng sống, ngôn ngữ - giao tiếp,... là hạn chế trong việc nhận biết những hành vi lạm dụng và ứng phó với những hành vi đó. Trang bị những kiến thức để ứng phó với lạm dụng tình dục là cách giúp học sinh khuyết tật trí tuệ giảm thiểu việc bị lạm dụng hiệu quả nhất. Tuy nhiên, trên thực tế việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật vẫn đang là một bài toán khó. Để quá trình giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ được hiệu quả thiết nghĩ nhà giáo dục và cha mẹ cần nắm được thực trạng hiện nay như thế nào. Bởi những lý do trên, bài viết này hướng tới mục tiêu làm rõ thực trạng việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ. Năm trong khuôn khổ của đề tài “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất mô hình giáo dục giới tính cho trẻ em khuyết tật trí tuệ tại khu vực miền núi phía Bắc” kết hợp tìm hiểu thực trạng

giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ tại một số trường trên địa bàn Hà Nội. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên điều tra phiếu hỏi trên 81 phụ huynh và 58 giáo viên của học sinh khuyết tật sử dụng bảng hỏi được xây dựng theo từng nhóm đối tượng. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua phỏng vấn sâu giáo viên và phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ. Đối với giáo viên nhóm nghiên cứu chủ yếu đề cập đến việc tìm hiểu thực trạng tổ chức giáo dục khả năng ứng phó, đối với phụ huynh có con là học sinh khuyết tật trí tuệ tìm hiểu về sự phối hợp của nhà trường cũng như khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục của học sinh khuyết tật trí tuệ. Qua quá trình khảo sát, kết quả nghiên cứu cho thấy việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ chưa rộng rãi, chủ yếu vẫn đang ở giai đoạn bắt đầu thực hiện hoặc đang xây dựng chương trình, sự phối hợp trong việc giáo dục khả năng ứng phó giữa gia đình và nhà trường chưa chặt chẽ.

## 2. Một số nghiên cứu về thực trạng ứng phó với lạm dụng tình dục

Theo các tác giả Sobsey, 1994b; Tharinger, Horton và Millea, 1990; Watson, 1984 thì tình trạng người khuyết tật bị lạm dụng chiếm con

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* phuongnguyentb168@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4548>

số lớn bởi các nguyên nhân: i) Đây là nhóm đối tượng có xu hướng phụ thuộc vào người khác nên nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình tương tác với người chăm sóc, người cung cấp dịch vụ; ii) Người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ thường chưa nhận diện được các tình huống bị lạm dụng tình dục; iii) Các chương trình giáo dục đặc biệt dành cho người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ thường hướng tới dạy họ tuân theo những đòi hỏi của người khác, điều này khiến cho khả năng có thể truy tố được kẻ lạm dụng bị giảm xuống (Sobsey, 1994b) [10]

Bên cạnh đó các tác giả Blum, Resnick, Nelson và Germaine, 1991; Strommsness, 1993 cũng chỉ ra rằng ở người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ các kỹ năng xã hội còn thiếu hụt. Điều này ảnh hưởng đến việc họ phân biệt đâu là tương tác phù hợp - không phù hợp. Đôi khi sự kì thị từ mọi người xung quanh cũng là cơ hội cho những đối tượng xấu thực hiện hành vi vì người khuyết tật khó có khả năng tự biện hộ cũng như kêu gọi bảo vệ [3].

Trong nghiên cứu về tình dục và giáo dục giới tính cho người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ, về thái độ, kinh nghiệm và nhu cầu hỗ trợ của các bà mẹ, các tác giả Pownall, Jahoda, Hastings (2002) đã tiến hành so sánh 30 bà mẹ có con khuyết tật trí tuệ và 30 bà mẹ có con không khuyết tật trí tuệ. Nhìn chung, các bà mẹ đều bày tỏ sự lo ngại về tình trạng dễ bị lạm dụng tình dục của con mình. Các bà mẹ có con có khuyết tật trí tuệ tập trung đến việc phòng tránh thai và đưa ra quyết định về các mối quan hệ thân thiết của con [8].

E. M. Lund và V. Jensen (2012) trong nghiên cứu của mình đã khẳng định trẻ khuyết tật bị lạm dụng tình dục gấp 2,9 lần trẻ bình thường, đặc biệt tỷ lệ ở trẻ khuyết tật trí tuệ cao gấp 4,6 lần [6].

Hai tác giả Phạm Xuân Thông và Võ Văn Thắng (2010) nghiên cứu tình hình bị lạm dụng tình dục ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Nha Trang đã đưa ra tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bị lạm dụng tình dục là 36,19%. Trong đó, các em học sinh nam bị lạm dụng là 133 trường hợp trong tổng số 688 học

sinh, chiếm 19,33%, số lượng học sinh nữ bị lạm dụng là 116 trường hợp, chiếm 16,86% [13].

Ứng phó với lạm dụng tình dục là một trong những kỹ năng cần thiết giúp trẻ bảo vệ bản thân trước hành vi của đối tượng lạm dụng. Việc giáo dục kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ thực sự quan trọng. Theo Lazarus và Folkman (1984), ứng phó là sự thay đổi nhận thức và nỗ lực của cá nhân nhằm phản ứng lại với hoàn cảnh bằng nguồn lực hoặc vượt qua nguồn lực của bản thân [7].

### 3. Một số khái niệm

#### 3.1. Khái niệm ứng phó

Theo Lazarus và Folkman, “Ứng phó” là sự thay đổi nhận thức và nỗ lực của cá nhân nhằm phản ứng lại với hoàn cảnh bằng nguồn lực hoặc vượt qua nguồn lực của bản thân. Nói cách khác, ứng phó là “những nỗ lực thay đổi hành vi và nhận thức nhằm kiểm soát đòi hỏi từ phía bên ngoài hoặc bên trong, vượt qua khả năng của con người” [7].

Theo tác giả Nguyễn Thị Minh Hằng thì “Ứng phó” là cách thức đương đầu và giải quyết những tình huống khó khăn, những tình huống “có vấn đề” mà trước đó cá nhân chưa có kinh nghiệm với nó [7].

#### 3.2. Lạm dụng tình dục

Theo tổ chức y tế thế giới (WHO, 1990), lạm dụng tình dục được định nghĩa là sự lôi kéo trẻ em vào hoạt động tình dục mà trẻ không hiểu biết đầy đủ, không có khả năng đồng ý một cách hiểu biết, hoặc chưa phát triển đầy đủ và không thể đồng ý, hoặc vi phạm pháp luật hay các cấm kỵ của xã hội [9].

Theo Karin Heissler (2001), lạm dụng tình dục trẻ em là hành vi giữa trẻ em với người lớn hoặc với trẻ em khác mà về mặt tuổi tác hoặc phát triển có quan hệ với trẻ em đó về trách nhiệm, niềm tin và quyền hạn. Hành vi này nhằm làm hài lòng hoặc để thỏa mãn nhu cầu của người khác [15].

### 3.3. Khuyết tật trí tuệ

Alfred Binet và Theodore Simon, những người đầu tiên phát minh ra trắc nghiệm trí tuệ vào đầu thế kỷ XX, cho rằng những người có chỉ số trí tuệ dưới 70 bị coi là khuyết tật trí tuệ [1].

Theo sổ tay thống kê và chẩn đoán các rối loạn tâm thần DSM 5 (APA, 2013), khái niệm KTTT được xác định như sau:

Khuyết tật trí tuệ là một rối loạn diễn ra trong suốt quá trình phát triển, bao gồm sự thiếu hụt cả về trí tuệ và chức năng thích ứng về khái niệm, xã hội và các lĩnh vực thực hành. Cụ thể là, người có khuyết tật trí tuệ:

i) Bị thiếu hụt các chức năng trí tuệ như lý luận, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, tư duy trừu tượng, phán xét, kỹ năng học tập, học hỏi từ trải nghiệm. Các thiếu hụt này được kiểm chứng thông qua các đánh giá lâm sàng và cá nhân, kiểm tra trí thông minh đã được tiêu chuẩn hóa;

ii) Bị thiếu hụt trong chức năng thích ứng dẫn đến thất bại trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển văn hóa xã hội, độc lập cá nhân và trách nhiệm xã hội. Không có sự hỗ trợ, những thiếu hụt trong chức năng thích ứng này sẽ dẫn đến những hạn chế một hoặc nhiều hoạt động trong cuộc sống hàng ngày như thông tin liên lạc, tham gia xã hội, sống độc lập; và trong nhiều môi trường như gia đình, trường học, nơi làm việc và cộng đồng;

iii) Những thiếu hụt về trí tuệ và chức năng diễn ra trong suốt quá trình phát triển.

### 3.4. Ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ

Theo nhóm tác giả ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ khả năng học sinh khuyết tật trí tuệ thay đổi nhận thức và hành vi của bản thân nhằm đánh giá hành vi của đối tượng lạm dụng tình dục, sử dụng những kiến thức, kinh nghiệm cá nhân trong lựa chọn cách thức phản ứng lại với các tình huống lạm dụng tình dục bằng nguồn lực hoặc vượt qua nguồn lực của bản thân, để ngăn chặn, xử lý hành vi của đối tượng lạm dụng tình dục.

## 4. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu tiến hành tìm hiểu thực trạng giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ. Các dữ liệu thu được đều dựa trên cơ sở tự báo cáo của phụ huynh và giáo viên của học sinh khuyết tật trí tuệ.

Phương pháp nghiên cứu định lượng:

i) Mục đích: điều tra phân tích thực trạng giáo dục ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ;

ii) Khách thể được lựa chọn ngẫu nhiên bao gồm: 58 giáo viên tại các trung tâm, trường có học sinh khuyết tật trí tuệ theo học trên địa bàn Hà Nội, Thái Nguyên và Tuyên Quang. 81 phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ, bao gồm: 6,7% sống ở vùng núi, 38,7% sinh sống tại nông thôn và 54,7% ở thành phố; 61,8% cha mẹ có con trai bị khuyết tật trí tuệ và 38,2% cha mẹ có con gái bị khuyết tật trí tuệ;

iii) Công cụ nghiên cứu: nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng 02 bảng hỏi: 01 bảng hỏi dành cho giáo viên tại các cơ sở giáo dục đặc biệt và 01 bảng hỏi dành cho phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ. Mỗi bảng hỏi đều có 4 phần.

Nhóm 1: nhóm giáo viên, nhân viên tại cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật trí tuệ.

Chúng tôi tiến hành phát phiếu hỏi dành cho giáo viên tại cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật trí tuệ đang theo học. Trong đó, chúng tôi nhận được tổng số 58 phiếu hợp lệ tại 3 cơ sở giáo dục dưới đây:

Bảng 1. Đặc điểm khách thể là giáo viên, nhân viên tại cơ sở giáo dục có người chưa thành niên có khuyết tật trí tuệ

| STT | Tiêu chí  | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) |      |
|-----|-----------|--------------|-----------|------|
| 1   | Địa bàn   | Hà Nội       | 12        | 20,7 |
|     |           | Thái Nguyên  | 43        | 74,1 |
|     |           | Tuyên Quang  | 03        | 5,2  |
| 2   | Thâm niên | < 5 năm      | 7         | 12,0 |
|     |           | 5 - 10 năm   | 20        | 34,5 |
|     |           | >10 năm      | 31        | 53,5 |

Đối với bảng hỏi dành cho giáo viên, các phần được thiết kế như sau: i) Một số thông tin cá nhân của giáo viên/nhân viên; ii) Những hiểu biết của giáo viên về lạm dụng tình dục, ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ, bao gồm 07 mệnh đề; và iii) Đánh giá của giáo viên về khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục của học sinh khuyết tật trí tuệ: 4 mệnh đề và 4/Giáo dục kỹ năng ứng phó, kết quả, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục của học sinh khuyết tật trí tuệ bao gồm: 3 mệnh đề.

Nhóm 2: phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ.

Chúng tôi đã tiến hành phát phiếu khảo sát trên 81 phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ ở các mức độ khác nhau. Trong đó ở phần đặc điểm khách thể có một số cha mẹ chỉ cung cấp một vài thông tin về bản thân.

Bảng 2. Đặc điểm khách thể là phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ

| Stt | Tiêu chí              |                   | N  | Tỷ lệ (%) | Tỷ lệ biến (%) |
|-----|-----------------------|-------------------|----|-----------|----------------|
| 1   | Địa bàn               | Vùng núi          | 5  | 6,2       | 6,7            |
|     |                       | Nông thôn         | 29 | 35,8      | 38,7           |
|     |                       | Thành phố         | 41 | 50,6      | 54,7           |
| 2   | Trình độ học vấn      | Phổ thông         | 42 | 51,9      | 52,5           |
|     |                       | Trung cấp nghề    | 23 | 28,4      | 28,8           |
|     |                       | Cao đẳng, đại học | 12 | 14,8      | 16,0           |
|     |                       | Sau đại học       | 3  | 3,7       | 4,0            |
| 3   | Điều kiện kinh tế     | Khó khăn          | 29 | 35,8      | 36,3           |
|     |                       | Trung bình        | 49 | 60,5      | 61,3           |
|     |                       | Khá giả           | 2  | 2,5       | 2,7            |
| 4   | Số con trong gia đình | Một con           | 12 | 14,8      | 16,0           |
|     |                       | Hai con           | 54 | 66,7      | 72,0           |
|     |                       | Từ ba con trở lên | 9  | 11,1      | 12,0           |

|   |                                     |                  |    |      |      |
|---|-------------------------------------|------------------|----|------|------|
| 5 | Mức độ khuyết tật của con khách thể | Nhẹ              | 6  | 7,4  | 7,9  |
|   |                                     | Trung bình       | 39 | 48,1 | 51,4 |
|   |                                     | Nặng và rất nặng | 31 | 38,3 | 40,7 |
| 6 | Giới tính con khách thể             | Nam              | 48 | 58,0 | 61,8 |
|   |                                     | Nữ               | 29 | 35,8 | 38,2 |

Đối với bảng hỏi dành cho phụ huynh của học sinh khuyết tật gồm 4 phần được tổ chức như sau: i) Những hiểu biết của phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ về lạm dụng tình dục, kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục: 6 mệnh đề; ii) Đánh giá của phụ huynh về khả năng ứng phó trước lạm dụng tình dục của học sinh khuyết tật trí tuệ: 4 mệnh đề; iii) Thực trạng giáo dục kỹ năng ứng phó trước lạm dụng tình dục và những yếu tố ảnh hưởng: 6 mệnh đề; và iv) Một số thông tin của phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ.

Phương pháp nghiên cứu định tính:

i) Cách thức tiến hành phỏng vấn sâu 3 giáo viên và 2 phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ;

ii) Mục đích tìm hiểu nhận định của giáo viên và phụ huynh về khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục của trẻ cũng như việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục.

Xử lý số liệu

Các số liệu nghiên cứu được nhập vào phần mềm thống kê toán học dùng trong khoa học xã hội và nhân văn SPSS phiên bản bản quyền 24.0. Các phân tích được thực hiện dựa trên các phép thống kê mô tả: tần suất, các kiểm định tương quan giữa các biến định lượng được thực hiện với hệ số Pearson r.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng đánh giá tầm quan trọng của việc trang bị khả năng ứng phó cho học sinh khuyết tật trí tuệ

Nhận thức được tầm quan trọng là việc cần thiết trong giáo dục ứng phó với lạm dụng tình dục.

Bảng 3. Tầm quan trọng của việc trang bị khả năng ứng phó cho học sinh khuyết tật trí tuệ

| Lựa chọn                   | Giáo viên    |           | Phụ huynh    |           |
|----------------------------|--------------|-----------|--------------|-----------|
|                            | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) |
| Rất quan trọng             | 53           | 91,4      | 73           | 90,1      |
| Quan trọng                 | 5            | 8,6       | 8            | 9,9       |
| Không quan trọng lắm       | 0            | 0,00      | 0            | 0,00      |
| Hoàn toàn không quan trọng | 0            | 0,00      | 0            | 0,00      |

Theo giáo viên tại một số cơ sở giáo dục đặc biệt thì việc trang bị cho học sinh khuyết tật trí tuệ kiến thức ứng phó với lạm dụng tình dục là rất quan trọng (91,4%) và quan trọng (8,6%). Đối với phụ huynh học sinh khuyết tật cũng có những ý kiến tương tự thể hiện qua 90,1% cho rằng việc giáo dục khả năng ứng phó là rất quan trọng và 9,9% đồng ý với lựa chọn quan trọng. Điều này cho thấy nhận thức về sự nguy hiểm của lạm dụng tình dục và việc giáo dục khả năng ứng phó cho học sinh khuyết tật trí tuệ đều được giáo viên và phụ huynh đánh giá cao.

Giáo viên N. T. T (32 tuổi) cho biết: “Các em học sinh trong lớp hầu như chưa nhận thức được sự nguy hiểm của hành vi lạm dụng tình dục. Trong lớp tôi chủ nhiệm đã có tình trạng hai học sinh nam nữ quý mến nhau và đôi khi các em cũng có những hành động thân mật. Bên cạnh đó, một số em trai có hành động đùa cợt các bạn nữ nhưng chúng tôi cho rằng các em chưa hiểu trong đó có những hành vi lạm dụng tình dục và các bé gái cũng cho rằng mình đang không bị lạm dụng tình dục. Cách các em phản ứng lại với những hành vi trêu đùa từ các bạn đơn giản là mách cô hoặc cười đáp trả, có em không ngần ngại đánh lại các bạn. Tuy nhiên, đây là đối với những tình huống nhẹ nhàng các em phản ứng được. Nhưng chúng tôi lo lắng rằng với những đối tượng có sẵn ý đồ lạm dụng tình dục, có kế hoạch và sự thuyết phục thì các em sẽ khó có sự ứng phó, đáp trả lại như trên”.

Khi được hỏi “Theo anh/chị con anh/chị đã bao giờ gặp phải một trong số những hành vi được cho là lạm dụng tình dục hay chưa?”, kết quả chúng tôi nhận được như sau: 60/81 phụ huynh (chiếm 74,07%) cho rằng con họ chưa từng gặp hành vi được cho là hành vi lạm dụng tình dục, 19/81 phụ huynh (tương đương với 23,46%) cho rằng con họ có thể gặp nhưng họ không biết, 2 phụ huynh (chiếm 2,47%) cho rằng con họ đã từng gặp hành vi được cho là hành vi lạm dụng tình dục.

Kết quả phỏng vấn sâu cha mẹ làm rõ thêm sự lo lắng của họ về khả năng ứng phó của con trong các tình huống lạm dụng tình dục: “Tôi luôn lo rằng con mình sẽ bị người xấu “lừa”, tôi chắc chắn con bé không thể chống cự lại một khi đối tượng nếu họ có ý đồ tôi tề. Con tôi hay bất kỳ đứa trẻ nào khuyết tật trí tuệ tôi đều nhận thấy chúng rất ngây thơ, “ngờ ngạc nhiên”, thậm chí chúng không hề biết đối tượng sẽ làm gì mình và hậu quả sẽ ra sao” (Phụ huynh của một bé gái khuyết tật trí tuệ 11 tuổi).

Chúng tôi nhận thấy, cả giáo viên và phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ đều lo ngại về việc bị lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ. Thực tế họ nhận thấy khả năng ứng phó của học sinh khuyết tật trí tuệ trước lạm dụng tình dục là kém, việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng là vô cùng quan trọng.

#### 4.2. Thực trạng giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ

Bảng 4. Thực trạng công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục theo ý kiến của giáo viên

| Stt | Lựa chọn       | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) |
|-----|----------------|--------------|-----------|
| 1   | Chưa tiến hành | 14           | 24,1      |
| 2   | Đang xây dựng  | 8            | 13,8      |
| 3   | Đang thực hiện | 26           | 44,8      |
| 4   | Đã thực hiện   | 10           | 17,2      |

Quan sát bảng số liệu 4 chúng tôi nhận thấy, có 26/58 (44,8%) giáo viên cho rằng cơ sở giáo dục của họ đang thực hiện công tác giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục

cho học sinh khuyết tật trí tuệ. 22 giáo viên (37,9%) lựa chọn phương án cơ sở giáo dục của mình chưa tiến hành hoặc đang xây dựng chương trình giáo dục phát triển khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục, có 10 giáo viên (17,2%) trả lời cơ sở giáo dục của mình đã thực hiện công tác giáo dục phát triển khả năng ứng phó cho học sinh khuyết tật trí tuệ.

Từ kết quả trên có thể thấy thực trạng giáo dục kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục vẫn đang trong quá trình xây dựng và thực hiện. Việc học sinh khuyết tật trí tuệ được trang bị kiến thức về ứng phó với lạm dụng tình dục còn hạn chế.

Bảng 5. Thực trạng công tác giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục theo ý kiến của phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ

| STT | Lựa chọn                         | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) |
|-----|----------------------------------|--------------|-----------|
| 1   | Chưa thực hiện                   | 5            | 6,2       |
| 2   | Không biết đã thực hiện hay chưa | 52           | 64,2      |
| 3   | Đang tiến hành                   | 11           | 13,6      |
| 4   | Đã thực hiện                     | 13           | 16,0      |

Theo ý kiến của phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ thì hơn một nửa phụ huynh (64,2%) cho rằng không biết con họ được giáo dục khả năng ứng phó hay chưa; chỉ 5 phụ huynh (6,2%) cho rằng con họ chưa được giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục; 24 phụ huynh (29,6%) cho rằng con họ đang và đã được giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục.

Bảng 6. Thực trạng quá trình trao đổi công tác giáo dục khả năng ứng phó giữa gia đình và nhà trường

| STT | Lựa chọn   | Số lượng (n) | Tỉ lệ (%) |
|-----|--|--------------|-----------|
| 1   | Chưa bao giờ   | 30           | 37,0      |
| 2   | Chỉ khi có trường hợp nào cụ thể mới thông báo chung | 28           | 34,6      |
| 3   | Thỉnh thoảng   | 12           | 14,8      |
| 4   | Thường xuyên   | 11           | 13,6      |

Chúng tôi phân tích số liệu thu được về sự trao đổi giữa nhà trường và gia đình về công tác giáo dục ứng phó với lạm dụng tình dục nhận được kết quả: 28,4% tương đương 23 phụ huynh nói rằng giữa gia đình và nhà trường có sự trao đổi một cách thường xuyên và liên tục, 34,6% tương đương 28 phụ huynh nói rằng chỉ trao đổi khi có vấn đề liên quan, còn lại là chưa trao đổi bao giờ (30 phụ huynh tương đương 37,0%).

Như vậy từ ý kiến của giáo viên và phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ chúng tôi nhận thấy các cơ sở giáo dục có tiến hành giáo dục khả năng ứng phó cho các em, một phần giáo viên cũng đồng ý với ý kiến đó. Tuy nhiên, sự trao đổi giữa gia đình và nhà trường còn chưa thường xuyên, liên tục.

Về các hình thức giáo dục được sử dụng trong giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ, qua số liệu thu được từ giáo viên chúng tôi thu được 44 phiếu có sự lựa chọn là: đang xây dựng chương trình, đang thực hiện và đã thực hiện để tìm hiểu về hình thức giáo dục kỹ năng ứng phó; trong đó, hình thức nhắc nhở bằng lời được sử dụng với tần suất luôn luôn và thường xuyên nhiều nhất, tiếp đó hình thức giáo dục như một môn học cũng được giáo viên lựa chọn khá nhiều. Hình thức giáo dục theo trò chơi và sinh hoạt ngoại khóa cũng thỉnh thoảng được giáo viên tổ chức nhằm giáo dục khả năng ứng phó cho học sinh khuyết tật trí tuệ. Hình thức giáo dục đóng vai được sử dụng khá ít.

Từ kết quả về tần suất sử dụng các hình thức giáo dục ứng phó với lạm dụng tình dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ chúng tôi đi đến khẳng định rằng: Các cơ sở giáo dục được nghiên cứu có tiến hành giáo dục ứng phó với lạm dụng tình dục; tuy nhiên việc giáo dục này chủ yếu là giáo viên lựa chọn theo cách giáo dục truyền thống và chưa thực sự tiến hành một cách bài bản.

## 5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình

dục ở học sinh khuyết tật trí tuệ theo đánh giá của giáo viên và phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ là thực sự cần thiết tại mỗi gia đình, nhà trường. Công tác giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ theo giáo viên đã và đang được thực hiện tuy nhiên con số đã thực hiện chưa nhiều. Ở một số cơ sở vẫn chưa thực hiện hoặc đang trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy cách hình thức giáo dục còn hạn chế, hình thức thực hiện chưa phong phú. Phụ huynh học sinh khuyết tật trí tuệ nhận thức được tầm quan trọng trong việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục con của mình tuy nhiên số nhiều lại chưa nắm được việc giáo dục tại trường diễn ra như thế nào. Sự phối hợp trong việc giáo dục khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục cho học sinh khuyết tật trí tuệ giữa gia đình và nhà trường chưa thực sự chặt chẽ. Do vậy, nhà trường cần có phương án xây dựng, thiết kế và thực hiện chương trình giáo dục nhằm nâng cao khả năng ứng phó với lạm dụng tình dục của học sinh khuyết tật trí tuệ. Phụ huynh của học sinh khuyết tật trí tuệ cũng cần phối hợp chặt chẽ với nhà trường cùng thực hiện nhằm hình thành cho học sinh khuyết tật trí tuệ kỹ năng ứng phó với lạm dụng tình dục.

### Tài liệu tham khảo

- [1] R. T. Ammerman, V. B. V. Hasselt, M. Hersen, J. J. McGonigle, M. J. Lubetsky, Abuse and Neglect in Psychiatrically Hospitalized Multihandicapped Children, *Child Abuse and Neglect*, Vol. 13, 1989, pp. 335-343.
- [2] M. I. Benedict, R. B. White, L. M. Wulff, B. J. Hall, Reported Maltreatment in Children with Multiple Disabilities, *Child Abuse and Neglect*, Vol. 14, 1990, pp. 207-217.
- [3] R. W. Blum, M. D. Resnick, R. Nelson, A. Germaine, Family and Peer Issues Among Adolescents with Spina Bifida and Cerebral Palsy, *Pediatrics*, Vol. 88, 1991, pp. 280-285.
- [4] G. Kelly, H. Crowley, C. Hamilton, Rights, Sexuality and Relationships in Ireland: It'd be Nice to be Kind of Trusted, *British Journal of Learning Disabilities*, Vol. 37, 2009, pp. 308-315.
- [5] A. Laffety, R. McConkey, Simpson, A, Reducing the Barriers to Relationships and Sexuality Education for Persons with Intellectual Disabilities, *Journal of Intellectual Disabilities*, Vol. 16, No. 1, 2012, pp. 29-43.
- [6] Lund, Emily M and Vaughn-Jensen, Victimization of children with Disabilities, *The Lancet*, vol 380, Issue 9845, pp. 867-869.
- [7] N. T. M. Hang, Coping with Negative Emotions of Junior High School Students, *VNU Journal of Science, Social Sciences and Humanities*, 2014, pp 25-34 (in Vietnamese).
- [8] J. D. Pownall, A. Jahoda, R. P. Hastings, Sexuality and Sex Education of Adolescents with Intellectual Disabilities: Mothers' Attitudes, Experiences, and Support Needs, *Intellectual and Developmental Disabilities*: April 2012, Vol. 50, No. 2, pp. 140-154.
- [9] D. Sobsey, Sexual Abuse of Individuals with Intellectual Disability, In A, Craft (Ed.), *Practice Issues in Sexual and Learning Disabilities*, London: Rutledge, 1994a, pp. 93-115.
- [10] D. Sobsey, *Violence and Abuse in the Lives of People with Disabilities: The end of Silent Acceptance*, Baltimore, MD: P. H. Brookes, 1994b.
- [11] M. M. Strommsness, Sexually Abused Women with Mental Retardation: Hidden Victims, *Absent Resources, Women and Therapy*, Vol. 14, 1993, pp. 139-152.
- [12] D. Tharinger, C. B. Horton, S. Millea, Sexual Abuse and Exploitation of Children and Adults with Mental Retardation and other Handicaps, *Child Abuse and Neglect*, Vol. 14, 1990, pp. 301-312.
- [13] P. X. Thong, Research on the Form of Sexual Application in High School Students in Nha Trang City, *Scientific Conference in Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Practical Medicine*, 2011 (in Vietnamese).
- [14] M. A. Verdugo, B. G. Bermejo, J. Fuertes, The Maltreatment of Intellectually Handicapped Children and Adolescents, *Child Abuse and Neglect*, Vol. 19, 1995, pp. 205-215.
- [15] Z. Conk, *Sexuality and Sex Education of Adolescents with Intellectual Disabilities: Mothers' Attitudes, Experiences, and Support Needs*, Springer US, 2009.